

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/KDTM-ST

Ngày: 21/8/2018

*“V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hằng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Khá và bà Huỳnh Thị Minh Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 43/2017/TLST-KDTM ngày 06/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXX-ST ngày 13/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng NNA Việt Nam; Địa chỉ: đường L, TP Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T – Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng NNA Việt Nam, chi nhánh Phú Yên; Địa chỉ: đường T, phường B, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Công ty TNHH xây dựng S; Địa chỉ: đường T, phường S, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên; Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Hùng S – Chức vụ: Giám đốc Công ty. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do có nhu cầu vay vốn, bị đơn công ty TNHH xây dựng S có vay của nguyên đơn số tiền 2.000.000.000 đồng, các bên có ký kết Hợp đồng tín dụng số 04/16/HĐTD/TS ngày 28/4/2016, thời hạn vay 12 tháng với lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 8%/năm, lãi suất quá hạn là 12%/năm nhằm bổ sung vốn lưu động và ký các hợp đồng bảo lãnh thi công các hợp đồng xây dựng. Các đương sự đã ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 07/2012/HĐTC-

THANHSON ngày 02/7/2012 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 11/2014/PLHĐ/TS ngày 19/11/2014, số 01/16/PLHĐ/TS ngày 27/4/2016: Tài sản bảo đảm là nhà xưởng sản xuất khung thép tiền chế và vật liệu xây dựng tại Khu công nghiệp AP, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 912793 do Sở Tài nguyên môi trường cấp ngày 20/7/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/16/HĐTC/TSXE ngày 27/4/2016: Tài sản bảo đảm là xe ô tô Kia Trade biển số 78C-NNN.NN theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số nnnnnn do Công an Phú Yên cấp ngày 03/6/2004.

Tại Hợp đồng tín dụng số 04/16/HĐTD/TS ngày 28/4/2016 mà các bên đã ký kết nêu trên, số tiền vay trên Hợp đồng là 2.000.000.000 đồng nhưng thực tế bị đơn chỉ mới nhận số tiền 1.100.000.000 đồng (Theo các Giấy nhận nợ ngày 01/11/2016 với số tiền 140.000.000 đồng; Giấy nhận nợ ngày 09/11/2016 với số tiền 300.000.000 đồng; Giấy nhận nợ ngày 10/11/2016 với số tiền 200.000.000 đồng; Giấy nhận nợ ngày 14/11/2016 với số tiền 200.000.000 đồng; Giấy nhận nợ ngày 27/4/2017 với số tiền 260.000.000 đồng). Tính đến ngày 21/8/2018, bị đơn chưa trả tiền gốc, chỉ trả 77.561.277 đồng tiền lãi và còn nợ nguyên đơn số tiền 1.276.225.001 đồng. Trong đó tiền gốc 1.100.000.000 đồng, lãi trong hạn 124.981.112 đồng, lãi quá hạn 51.243.889 đồng. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 1.276.225.001 đồng. Trong đó tiền gốc 1.100.000.000 đồng, lãi trong hạn 124.981.112 đồng, lãi quá hạn 51.243.889 đồng. Nếu bị đơn không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành triệu tập họp lệ bị đơn để hòa giải và xét xử nhưng bị đơn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 4 của Luật Thương mại; các Điều 305; Điều 342; Điều 355; Điều 471; Điều 474; Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam buộc bị đơn Công ty TNHH xây dựng S phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.276.225.001 đồng. Trong đó tiền gốc 1.100.000.000 đồng, lãi trong hạn 124.981.112 đồng, lãi quá hạn 51.243.889 đồng. Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH xây dựng S phải trả khoản tiền vay là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 30; Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Các đương sự đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 04/16/HĐTD/TS ngày 28/4/2016 với số tiền cho vay là 2.000.000.000 đồng nhưng thực tế bị đơn chỉ mới nhận số tiền 1.100.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng với lãi suất tại thời điểm ký Hợp đồng là 8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi trong hạn; mục đích vay để bổ sung vốn lưu động và ký các hợp đồng bảo lãnh thi công các hợp đồng xây dựng. Theo đó, các đương sự đã ký kết các Hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 07/2012/HĐTC-THANHSON ngày 02/7/2012 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 11/2014/PLHĐ/TS ngày 19/11/2014, số 01/16/PLHĐ/TS ngày 27/4/2016: Tài sản bảo đảm là nhà xưởng sản xuất khung thép tiền chế và vật liệu xây dựng tại Khu công nghiệp AP, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 912793 do Sở Tài nguyên môi trường cấp ngày 20/7/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/16/HĐTC/TSXE ngày 27/4/2016: Tài sản bảo đảm là xe ô tô Kia Trade biển số 78C-NNN.NN theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số nnnnnn do Công an Phú Yên cấp ngày 03/6/2004.

[2.1] Trong quá trình vay, bị đơn chưa trả tiền gốc, chỉ trả 77.561.277 đồng tiền lãi và tính đến ngày 21/8/2018 còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 1.100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 124.981.112 đồng, tiền lãi quá hạn 51.243.889 đồng. Tiền lãi theo mức trong hạn là 8%/năm, quá hạn là 12%/năm. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi còn nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 471; Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay và phù hợp với các Điều 305; Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005 quy định về nghĩa vụ chậm trả và mức lãi suất nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 1.100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 124.981.112 đồng, tiền lãi quá hạn 51.243.889 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 342; Điều 355 của Bộ luật Dân sự 2005 quy định về tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp, vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và phải hoàn trả tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho nguyên đơn.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 4 của Luật Thương mại; các Điều 305; Điều 342; Điều 355; Điều 471; Điều 474; Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc bị đơn Công ty TNHH xây dựng S phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.276.225.001 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn không trăm lẻ một đồng). Trong đó tiền gốc 1.100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 124.981.112 đồng, tiền lãi quá hạn 51.243.889 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất quá hạn là 12%/năm mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng 04/16/HĐTD/TS ngày 28/4/2016 đã ký kết giữa nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và bị đơn Công ty TNHH xây dựng S tương ứng với số tiền gốc và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả không đầy đủ, nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 07/2012/HĐTC-THANHSON ngày 02/07/2012 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 11/2014/PLHĐ/TS ngày 19/11/2014, số 01/16/PLHĐ/TS ngày 27/4/2016: Tài sản bảo đảm là nhà xưởng sản xuất khung thép tiền chế và vật liệu xây dựng tại Khu công nghiệp AP, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 912793 do Sở Tài nguyên môi trường cấp ngày 20/7/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/16/HĐTC/TSXE ngày 27/4/2016: Tài sản bảo đảm là xe ô tô Kia Trade biển số 78C-NNN.NN theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số nnnnnn do Công an Phú Yên cấp ngày 03/6/2004.

Sau khi phát mãi tài sản thế chấp mà chưa đủ trả nợ cho nguyên đơn thì bị đơn có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu đến khi trả xong nợ.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng vào Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Bị đơn phải chịu 50.286.750 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn 23.416.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0009749 ngày 06/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thúy Hằng